

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 1: 与其考试前着急, 不如平常随时复习。

- A. 连词 B. 介词 C. 动词 D. 副词

Câu 2: 车手用的是一辆高速跑车。

- A. 介词 B. 名词 C. 代词 D. 动词

Câu 3: 我的书房里有两面镜子, 一大一小。

- A. 名词 B. 代词 C. 数词 D. 量词

Câu 4: 她遇到高兴的事情时, 就来找我聊天。

- A. 名词 B. 动词 C. 形容词 D. 副词

Câu 5: 我们很满意这里的投资环境。

- A. 名词 B. 连词 C. 动词 D. 副词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành các câu sau.

Câu 6: 你先把我说得意思记_____, 回头再讨论。

- A. 上来 B. 出来 C. 下来 D. 起来

Câu 7: 你_____到了草原, _____应该体验一下草原牧民的生活。

- A. 不管……也…… B. 既然……就…… C. 尽管……还…… D. 虽然……却……

Câu 8: 我们_____要处理好人口和就业问题, _____才能解决能源和环境问题。

- A. 首先……然后…… B. 一边……一边……
C. 即使……也…… D. 只要……就……

Câu 9: 没有亲情、友情和爱情, 世界就会是一片孤独_____黑暗。

- A. 然而 B. 还是 C. 与 D. 可

Câu 10: 在我印象中, 他一直是_____的老头儿。

- A. 和和气气得很 B. 和气一和气 C. 和和气气 D. 很和和气气

Câu 11: 下周我们学校要_____家长会。

- A. 开 B. 进 C. 办 D. 来

Câu 12: 这个问题大家已经讨论了很长时间了, 什么时候才能有个结论_____?

- A. 吧 B. 吗 C. 呢 D. 了

Câu 13: 只要治好她的病, _____再苦再累我也心甘情愿。

- A. 特别 B. 难道 C. 尤其 D. 就是

Câu 14: _____这个问题, 我们已经开会研究过了。

- A. 按照 B. 根据 C. 通过 D. 关于

Câu 15: 我一上舞台, 就紧张_____把台词忘得一干二净。

- A. 了 B. 过 C. 得 D. 着

- Câu 16:** 这个工作_____你去_____, 别人谁也没有这方面的能力。
A. 非……不可 B. 对……来说 C. 在……看来 D. 拿……来说
- Câu 17:** 香港的夜色真美, 我们不要闷在宾馆里, 到街上走_____走吧!
A. 着 B. 过 C. 了 D. 一
- Câu 18:** 窗台上放着的那_____花是我前天买回来的。
A. 张 B. 盆 C. 条 D. 幅
- Câu 19:** 那天广场上的人特别多, 我们好容易_____能挤进去。
A. 就 B. 没 C. 才 D. 只
- Câu 20:** 网络的普及_____人们的生活带来了极大的便利。
A. 给 B. 被 C. 把 D. 使
- Câu 21:** 幸亏来得早, _____就赶不上车了。
A. 不如 B. 要不然 C. 不比 D. 不过
- Câu 22:** 我们来的时候, 看见她_____做家务, _____听音乐。
A. 也……也…… B. 越……越……
C. 一起……一起…… D. 一边……一边……
- Câu 23:** 那个地方人们的思想比我们想象的_____落后。
A. 没 B. 不 C. 很 D. 还
- Câu 24:** 他们对你的热情招待满意_____。
A. 得死了 B. 极了 C. 很 D. 不得了
- Câu 25:** 如果你老是_____坏处去想, 那么日子就难过了。
A. 往 B. 当 C. 从 D. 朝
- Câu 26:** 在生活中, 永远不要失去笑容和信心, _____有再多的烦恼和困难。
A. 于是 B. 几乎 C. 简直 D. 哪怕
- Câu 27:** _____她怎么说, 妈妈_____不同意让她去非洲旅行。
A. 无论……也…… B. 虽然……但是……
C. 尽管……也…… D. 不是……就是……
- Câu 28:** 其实在世界杯比赛中, 荷兰队的_____跟西班牙队不相上下。
A. 表现 B. 代表 C. 象征 D. 出现
- Câu 29:** 各国代表在会议上相继发言, 对地球变暖的问题_____了看法。
A. 显示 B. 表明 C. 发现 D. 发表
- Câu 30:** 他那种表情好像对_____都不在乎似的。
A. 什么 B. 哪儿 C. 这么 D. 怎么
- Câu 31:** 不知为什么, 我_____现代城市的娱乐方式总是不太感兴趣。
A. 对 B. 给 C. 向 D. 被
- Câu 32:** 哎呀, 你们来晚了一步, 张经理_____出去一会儿。
A. 就 B. 马上 C. 刚才 D. 刚

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 33 đến câu 42.

我是一家贸易公司工作, (33) _____没有结婚, 也没有可以谈婚论嫁的男朋友。说实话, 我(34) _____自己将来能否有美满的婚姻没有太大的信心。我觉得在这样一个充满竞争、压力、动荡的时代, 幸福稳定(35) _____婚姻和家庭真的是个奢望。

就(36) _____我的老板来说, 他是一个三十出头的男人, 因为工作太忙、应酬太多, (37) _____每天都是十一二点回家, 有时甚至更晚。(38) _____加上三天两头出差, 我不敢想象他的家庭生活是个什么样子, 我想就是有妻子(39) _____也快要离婚了。我还有一些

(选自 马箭飞《汉语口语速成——提高篇》，北京语言大学出版社)

- Câu 33:** A. 则 B. 还 C. 再 D. 都
Câu 34: A. 对 B. 给 C. 被 D. 使
Câu 35: A. 地 B. 了 C. 着 D. 的
Câu 36: A. 算 B. 拿 C. 对 D. 当
Câu 37: A. 却 B. 几乎 C. 差点儿 D. 似乎
Câu 38: A. 倒 B. 只 C. 又 D. 再
Câu 39: A. 害羞 B. 恐惧 C. 害怕 D. 恐怕
Câu 40: A. 就是 B. 还是 C. 而是 D. 算是
Câu 41: A. 上 B. 内 C. 里 D. 中
Câu 42: A. 随着 B. 接着 C. 根据 D. 随意

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

- Câu 43:** 有一位研究人际关系的_____家说过：“生活就是一连串的推销。”
A. 砖 B. 专 C. 转 D. 传
Câu 44: 我房间里的空_____坏了。
A. 周 B. 调 C. 惆 D. 绸
Câu 45: 对别人的不尊重，是破坏自己的_____象。
A. 型 B. 邢 C. 形 D. 刑
Câu 46: 他那_____定不移的意志感动了我。
A. 竖 B. 贤 C. 坚 D. 紧
Câu 47: 森林中有很多药用植物和油料植物，_____有很大的价值。
A. 真 B. 惧 C. 具 D. 俱

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 48 đến câu 52.

北方人喜欢吃面，南方人喜欢吃米，以米饭为主食；北方人吃得粗，南方人吃得细；北方人爱吃咸，南方人爱吃淡；北方人大块吃肉，大碗喝汤，大口喝酒，吃得很简单；南方人喜欢把肉弄成细细的、瘦瘦的，盘子、碗也小，可他们蛇、虫、鸟、兽、老鼠什么的都吃，吃得很复杂又很奇怪。

有一次跟一个在北京住过多年的福建朋友一起吃饭，福建朋友说：“在北京跟人聊天，会觉得北京人是天下最聪明的人，因为他们什么都知道，说话就像哲学家。但在北京吃饭，又觉得北京人是天下最笨的人，因为他们永远不知道怎么把菜做得好吃一点儿。”

大部分北京人可能不同意他的话，但我觉得他的话有点儿道理。有一年我在北京出差，每天早上出门都找不到像样的早点吃。跟我们武汉**花样百出**的早点比，北京人只知道大饼油条、馒头包子。我每天早上做的第一件事就是一边艰难地吃大饼油条，一边骂北京早点。

(据方方《永远的话题——痴》，有删改)

- Câu 48:** 南方人的主食是：
A. 面条 B. 米饭 C. 馒头 D. 稀饭
Câu 49: 北方人是怎么吃肉的？
A. 把肉弄成小块的 B. 把肉弄成大块的 C. 把肉弄成一片的 D. 把肉弄成细细的

Câu 50: 作者跟谁一起吃饭?

- A. 外国朋友 B. 福建朋友 C. 武汉朋友 D. 北京朋友

Câu 51: 在吃这个方面, 作者的朋友觉得:

- A. 北京人是天下最聪明的人 B. 北京人是天下最笨的人
C. 北京人非常讲究 D. 北京人很会享受

Câu 52: “花样百出”的意思是:

- A. 颜色好 B. 样子好 C. 样子和颜色都好 D. 很多种类

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 53: Phiên âm đúng của từ 交通 là: _____.

- A. jiāotōng B. jiàotōng C. jiàotòng D. jiāotòng

Câu 54: Phiên âm đúng của từ 穿着 là: chuānzh_____.

- A. ōu B. uó C. áo D. e

Câu 55: Phiên âm đúng của từ 决心 là: _____uéxīn.

- A. q B. j C. z D. x

Câu 56: Phiên âm đúng của từ 宿舍 là: _____.

- A. sùshē B. sūshè C. sūshē D. sùshè

Câu 57: Phiên âm đúng của từ 挥动 là: h_____dòng.

- A. uī B. ūn C. ěn D. ěi

Câu 58: Phiên âm đúng của từ 重建 là: _____óngjiàn.

- A. zh B. z C. c D. ch

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 59: 不可否认, 洋货的大量涌入带来了一些问题。

- A. 不能承认 B. 应该承认 C. 最好否认 D. 应该否认

Câu 60: 我从未种过蔬菜, 真不知道怎么干。

- A. 从此 B. 从小开始 C. 从来没有 D. 以前

Câu 61: 我们是多年的邻居, 还谢什么?

- A. 不用谢 B. 感谢谁 C. 怎么谢 D. 在哪儿谢

Câu 62: 在中国留学时, 我得了鼻炎, 总流鼻涕。

- A. 毕竟 B. 一直 C. 全部 D. 最少

Câu 63: 犯了错误当然不好, 可是, 人非圣贤, 谁能无过呢?

- A. 没有去过 B. 无法过去 C. 没有过错 D. 过意不去

Câu 64: 杭州西湖美景闻名中外。

- A. 名声 B. 有名 C. 名胜 D. 名誉

Câu 65: 遇到这么点儿困难就灰心了, 真没出息!

- A. 有信心 B. 小心 C. 担心 D. 没信心

Câu 66: 我望着他, 一时不知说什么好。

- A. 短时间内 B. 偶然 C. 一小时 D. 从生到死

Câu 67: 她把自己的儿子领到我面前, 请我当他的辅导老师。

- A. 拿 B. 拐 C. 取 D. 带

Câu 68: 大家以为他会同意, 不料他竟提出了那么多意见。

- A. 没想到 B. 不如说 C. 因此 D. 当然

Câu 69: 我读他的信, 越读越觉得不对劲儿。

- A. 不正常 B. 没意思 C. 不正确 D. 不习惯

Câu 70: 大家都在湖边呢，那儿可真漂亮！

A. 房子

B. 家里人

C. 所有的人

D. 人家

Câu 71: 他们俩从没像今天这样不欢而散。

A. 欢迎

B. 喜欢

C. 欢乐

D. 欢送

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 72: 每当奶奶讲 A 故事的时候，孩子们都抬 B 起头，目不转睛地注视 C 她 D。（着）

Câu 73: 他们昨天刚刚来到北京 A，还没有去过 B 长城、C 故宫 D 呢。（这些地方）

Câu 74: A 慢点儿 B 吃，C 把刚穿上的新衣服 D 弄脏了。（别）

Câu 75: 有些商品广告 A 不实事求是 B，万万 C 相信 D。（不可轻易）

Câu 76: 你 A 最好 B 呆在家里，可 C 别一个人出去，这里治安 D 乱得很。（千万）

Câu 77: 我的自行车 A 丢了，可能 B 找 C 到 D 了。（不）

Câu 78: 你 A 的鞋 B 放在 C 他的椅子上 D 呢？（怎么）

Câu 79: 三十 A 多 B 岁的人了，性格变 C 不了 D。（了）

Câu 80: 家里没人 A 照顾你，B 还是 C 全好了 D 出院吧。（再）

----- HẾT -----